

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ SỐ

● NGUYỄN THANH SƠN

TÓM TẮT:

Những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong xây dựng chính phủ điện tử, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, vướng mắc, đòi hỏi cần có giải pháp đột phá để tiếp tục xây dựng chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Bài viết đưa ra những thành tựu và những hạn chế trong hành trình phát triển chính phủ điện tử hướng tới kinh tế số, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục hạn chế trong phát triển chính phủ điện tử.

Từ khóa: điện tử, chính phủ, kinh tế số, giáo dục, y tế.

1. Đặt vấn đề

Năm 2014, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế với quan điểm: “Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp...”. Nghị quyết đã xác định mục tiêu cụ thể đến năm 2020, “triển khai có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng Chính phủ điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao và trong nhiều lĩnh vực”. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, năm 2015, Chính phủ đã có Nghị quyết đầu tiên tập trung về Chính phủ điện tử nhằm “Đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày

càng tốt hơn. Nâng vị trí của Việt Nam về Chính phủ điện tử theo xếp hạng của Liên hợp quốc. Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng”.

Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng làm nền tảng trong triển khai xây dựng Chính phủ điện tử. Hành lang pháp lý trong ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử đã dần được thiết lập. Một số cơ sở dữ liệu mang tính chất nền tảng thông tin như Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia đang được xây dựng và đã có những câu phân đi vào vận hành. Các cơ quan Nhà nước đã cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến thiết yếu cho doanh nghiệp và người dân như: Đăng ký doanh nghiệp, kê khai thuế, nộp thuế, hải quan điện tử, bảo hiểm xã hội... Một số bộ, ngành đã xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng. Tại một số

địa phương, hệ thống thông tin một cửa điện tử được đưa vào vận hành, dần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của đội ngũ công chức. Chất lượng nhân lực về công nghệ thông tin của Việt Nam cũng đã được quan tâm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều điểm hạn chế.

2. Thực trạng phát triển chính phủ điện tử

2.1. Về hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành

Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia trong tháng 02/2023 là 493.764 văn bản (gửi 91.394 văn bản, nhận 402.370 văn bản); lũy kế 2 tháng đầu năm 2023, số lượng văn bản điện tử, gửi, nhận qua Trục khoảng 1 triệu văn bản; từ khi khai trương (12/3/2019) đến nay, Hệ thống có tổng số hơn 18,6 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet) tiếp tục phát huy hiệu quả, tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ 68 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 1.513 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn 532 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy).

2.2. Về dịch vụ công trực tuyến

Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, tính từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/02/2023, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã có trên 489 nghìn tài khoản đăng ký; trên 16 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; trên 1 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích từ cổng; trên 1,2 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; trên 971 nghìn giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 273 tỷ đồng.

2.3. Cơ sở dữ liệu quốc gia

Tính đến ngày 21/02/2023, tổng số giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) trong tháng 02/2023 đạt 53.738.373; trung bình hằng ngày có khoảng 2,5 triệu giao dịch thực hiện thông qua NDXP; tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP từ khi khai trương đến nay là hơn 1,1 tỷ giao dịch.

Đến nay, cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư đã kết nối chính thức với 13 đơn vị bộ, ngành, 1 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 3 doanh nghiệp viễn thông và 57 địa phương để phục vụ khai thác thông tin. Trong tháng 2/2023, có hơn 42 triệu lượt

tra cứu thông tin công dân, chủ yếu là các dịch vụ xác thực thông tin dân cư, xác thực số căn cước công dân, chứng minh nhân dân, xác thực thông tin hộ gia đình... Hệ thống CSDL quốc gia về dân cư đã đáp ứng các địa phương tiếp cận, khai thác phục vụ giải quyết TTHC. Ngoài ra, đã hỗ trợ các đoàn thể xây dựng dữ liệu quản lý đoàn viên, hội viên trên nền tảng CSDL quốc gia về dân cư (đến nay toàn quốc đã nhập thông tin của 1.930.502 hội viên Hội nông dân; 595.744 hội viên Hội người cao tuổi).

+ *CSDL quốc gia về BHXH*: Triển khai Đề án 6, BHXH Việt Nam đã phối hợp với Bộ Công an thực hiện xác thực thông tin công dân trong CSDL quốc gia về dân cư qua số Chứng minh nhân dân để đối chiếu, đồng bộ (lấy) số Căn cước công dân (CCCD) từ CSDL quốc gia về dân cư sang CSDL của BHXH, tính đến ngày 18/02/2023, đã hoàn thành xác thực đúng thông tin công dân của hơn 74 triệu nhân khẩu. Tính đến ngày 18/02/2023, toàn quốc đã có 12.268 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện tra cứu thông tin thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) bằng CCCD gắn chip, chiếm 96% tổng số cơ sở khám chữa bệnh BHYT.

BHXH Việt Nam tiếp tục kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa BHXH với Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ Thông tin và Truyền thông); Bộ Tư pháp; Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính); Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Bộ Y tế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nội vụ; Văn phòng Chính phủ trong kết nối, cung cấp thông tin trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, thực hiện tổng hợp báo cáo số liệu hàng ngày, thống kê tình hình hỗ trợ các nhóm đối tượng. Dữ liệu từ BHXH cấp huyện trở lên được tự động cập nhật lên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ liên quan hoàn thiện quy trình để tích hợp, cung cấp các dịch vụ công.

+ *CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc*: tính đến ngày 21/02/2023, trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch đã có 33.070.276 dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có 8.410.979 trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định, 4.580.082 hồ sơ khai sinh có số định danh cá nhân được chuyển sang hệ thống của BHXH; 7.616.411 dữ liệu đăng ký kết hôn; 4.992.816 dữ liệu đăng ký khai tử và 8.947.684 dữ liệu khác.

+ *CSDL quốc gia về đất đai*, tiếp tục triển khai dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (dự án VILG), khối lượng xây dựng CSDL sau điều chỉnh là 250 huyện, thuộc 30 tỉnh, thành

phổ (trong đó, xây dựng mới CSDL là 160 huyện và chuyển đổi CSDL là 90 huyện), đã vận hành CSDL đất đai thường xuyên tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh của các tỉnh, thành phố. Đã hoàn thành kết nối, liên thông dữ liệu đất đai của 52/63 địa phương với Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia; kết nối dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu đất đai cấp địa phương với Nền tảng NDXP, Trung tâm điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và sẵn sàng chia sẻ dữ liệu cho các Bộ ngành, địa phương. Hiện nay, tất cả 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai xây dựng CSDL đất đai với 217/705 đơn vị cấp huyện với 43 triệu thửa đất đã hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh của các tỉnh, thành phố;...

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hiện nay đã có thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của hơn 1 triệu doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; đã kết nối với CSDL quốc gia về bảo hiểm, Cổng Dịch vụ công quốc gia qua Trục liên thông văn bản quốc gia (VDXP); đã thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp với các Hệ thống: Hệ thống thông tin đầu tư nước ngoài, Hệ thống thông tin đấu thầu qua mạng; Hệ thống thông tin của một số bộ, ngành và địa phương thông qua Trục tích hợp dữ liệu quốc gia (NGSP) như Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp đổi giấy phép kinh doanh vận tải, biển hiệu phù hiệu xe ô tô của Bộ Giao thông vận tải, Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian tới, tiếp tục mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống một cửa điện tử tại một số địa phương.

+ *CSDL quốc gia về viễn thông*: Triển khai kết nối, làm sạch thông tin thuê bao di động của 3 nhà mạng viễn thông: Viettel, Mobifone, Vinaphone với 85.402.466 triệu yêu cầu đối sánh.

Có thể thấy, trong quá trình triển khai chính phủ điện tử, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Tuy nhiên việc triển khai này còn rất chậm và nhiều nơi thực hiện mang tính hình thức. Việc xây dựng triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, hạ tầng công nghệ thông tin làm nền tảng phục vụ phát triển Chính phủ điện tử rất chậm so với tiến độ cần có; các hệ thống thông tin dữ liệu còn cục bộ, chưa có kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; chất lượng dữ liệu và thông tin chưa được cập nhật kịp thời, chính xác; nhiều hệ thống thông tin đã triển

khai chưa bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, mức độ tin cậy của quốc gia trong giao dịch điện tử thấp. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến còn chạy theo số lượng trong khi tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn rất thấp; việc giải quyết thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ công việc còn mang nặng tính thủ công, giấy tờ. Còn những rào cản trong cơ chế đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong triển khai các dự án. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều lãnh đạo Chính phủ, bộ, ngành, địa phương còn chưa có đầy đủ thông tin dữ liệu số của các đối tượng mình quản lý.

Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề trên là do nhiều cấp, nhiều ngành chưa xác định rõ lộ trình và các nhiệm vụ cụ thể để triển khai, còn thiếu gắn kết giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách thủ tục hành chính và đổi mới lề lối, phương thức làm việc, nhất là trong quan hệ với người dân, doanh nghiệp; chưa phát huy vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan hành chính nhà nước cũng như quy định về cơ chế tích hợp, chia sẻ dữ liệu còn thiếu; thói quen cát cứ dữ liệu còn tồn tại ở nhiều cơ quan; việc bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin của các cơ quan Nhà nước còn chưa được quan tâm đúng mức. Đặc biệt, chúng ta còn thiếu khung pháp lý đồng bộ về xây dựng Chính phủ điện tử, thiếu quy định cụ thể về xác thực cá nhân, tổ chức trong các giao dịch điện tử cũng như các quy định pháp lý về văn thư, lưu trữ điện tử, giá trị pháp lý của văn bản điện tử trong giao dịch hành chính và thanh toán. Cơ chế bảo đảm thực thi nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử chưa đủ mạnh cũng là nguyên nhân của việc thực hiện còn thiếu hiệu quả và mang nặng tính hình thức. Chúng ta cũng chưa phát huy tối đa sự tham gia của khu vực tư nhân trong xây dựng Chính phủ điện tử và thiếu cơ chế tài chính và đầu tư phù hợp với đặc thù dự án công nghệ thông tin.

3. Giải pháp khắc phục hạn chế trong phát triển chính phủ điện tử

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, tác giả đề xuất 5 giải pháp chủ yếu sau:

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử.

Hai là, xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính phủ điện tử phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ điện tử trên thế giới.

Ba là, xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với cải

cách hành chính, đổi mới lề lối làm việc nhằm chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, số hóa, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương; đổi mới phương thức phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Bốn là, đảm bảo các nguồn lực triển khai xây

dựng Chính phủ điện tử.

Năm là, thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi với mục tiêu, chỉ tiêu đo lường kết quả cụ thể, cơ chế theo dõi, giám sát, trách nhiệm giải trình, xử lý kịp thời vướng mắc và nguồn lực tài chính, con người để bảo đảm thực thi mục tiêu đề ra■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
2. Chính phủ (2020), Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
3. Bộ Nội vụ (2023), Báo cáo cải cách hành chính quý I/2023.
4. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 1.0), tr.4.
5. United Nations E-Government Survey 2022, Department of Economic and Social Affairs - UNITED NATIONS New York, pa.220, pa.235.
6. <https://dichvucong.gov.vn>.
7. <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>.

Ngày nhận bài: 1/4/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/4/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 2/5/2024

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THANH SƠN

Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

SOLUTIONS FOR VIETNAM'S E-GOVERNMENT DEVELOPMENT TOWARDS A DIGITAL ECONOMY

● Master. **NGUYEN THANH SON**

Faculty of Business Administration and Marketing, University of Economics - Technology for Industries

ABSTRACT

In recent years, Vietnam has achieved many important results in building an e-government, but there are still shortcomings and obstacles, requiring breakthrough solutions to develop an efficient digital government that meets the country's development requirements. This paper highlighted achievements and limitations in Vietnam's e-government development towards a digital economy. The paper also proposed some solutions to overcome limitations in e-government development.

Keywords: digital, government, digital economy, education, health.